

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về việc tiếp nhận đối tượng đang thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng.

b) Người khuyết tật đặc biệt nặng (*trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương*) thuộc một trong các trường hợp sau:

- Người thuộc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên;

- Không có cha, mẹ, vợ (*chồng*), con hoặc có vợ (*chồng*) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (*chồng*), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, là người khuyết tật mức độ khuyết tật nặng trở lên, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trên 60 tuổi, dưới 18 tuổi.

c) Người cao tuổi thuộc trường hợp có đủ các tiêu chí sau:

- Từ đủ 80 tuổi trở lên;

- Thuộc hộ nghèo;

- Không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác (*trừ trợ cấp xã hội hàng tháng*);

- Không có vợ (*chồng*), con hoặc có vợ (*chồng*) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (*chồng*), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Nghị quyết này.

3. Đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp hồ sơ tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội vượt quá khả năng của cơ sở thì xét ưu tiên đối tượng có các tiêu chí sau: Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; có cha, mẹ là người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; có ông, bà nội, ngoại là liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, bị địch bắt tù đày; con của người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người đang công tác tại vùng kinh tế khó khăn, biên giới, trên biển, hải đảo; trẻ mồ côi cha hoặc mẹ; con của người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; con của người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật; là người dân tộc thiểu số.

Xét ưu tiên đối tượng có nhiều tiêu chí; trường hợp các đối tượng có cùng số lượng tiêu chí thì xét theo thứ tự ưu tiên nêu trên; nếu có cùng 01 tiêu chí ưu tiên nêu trên thì xét ưu tiên theo thứ tự các đối tượng từ điểm a đến điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Các đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng trong thời gian được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Các đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội cho đến khi không còn đủ điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết này hoặc cơ sở trợ giúp xã hội kết thúc quản lý đối tượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận, chế độ của đối tượng và nguồn kinh phí thực hiện

1. Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận

Hồ sơ, thủ tục tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết này được áp dụng như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Chế độ

Các chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

2. Thời gian thực hiện: Từ ngày 10 tháng 6 năm 2024.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa XVII, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: LĐTB&XH, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ LĐTB&XH;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

} (để báo cáo)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu